

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI, DỊCH VỤ, XÂY DỰNG AN NHI
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI, DỊCH VỤ, XÂY DỰNG AN NHI

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: AN NHI CONSTRUCTION, SERVICE, TRADING COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0108021703

3. Ngày thành lập: 12/10/2017

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 18 Nhà Chung, Phường Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
2.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu	2599
3.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
4.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
5.	Bán buôn gạo	4631
6.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
7.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
8.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ hoa, cây cảnh trong các cửa hàng chuyên doanh Mua bán vàng trang sức, mỹ nghệ (trừ kinh doanh vàng miếng) Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ tranh, ảnh và các tác phẩm nghệ thuật khác (trừ đồ cổ) trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ dầu hỏa, ga, than nhiên liệu dùng cho gia đình trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ đồng hồ, kính mắt trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ máy ảnh, phim ảnh và vật liệu ảnh trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ xe đạp và phụ tùng trong các cửa hàng chuyên doanh	4773
9.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
10.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
11.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313

12.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
13.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại	3822
14.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
15.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511
16.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
17.	Cho thuê xe có động cơ	7710
18.	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp	8211
19.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
20.	Sản xuất đồ giả kim hoàn và chi tiết liên quan	3212
21.	Sản xuất nhạc cụ	3220
22.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
23.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
24.	Sản xuất mì ống, mì sợi và sản phẩm tương tự	1074
25.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
26.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu	1079
27.	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	1080
28.	Sản xuất rượu vang	1102
29.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104
30.	Sản xuất vải dệt thoi	1312
31.	Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm	1512
32.	Sản xuất thủy tinh và sản phẩm từ thủy tinh	2310
33.	Sản xuất giày dép	1520
34.	Cửa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
35.	In ấn	1811
36.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến Bán buôn xi măng Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi Bán buôn kính xây dựng Bán buôn sơn, vécni Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh Bán buôn đồ ngũ kim	4663
37.	Sản xuất ca cao, sôcôla và mứt kẹo	1073
38.	Chưng, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh	1101
39.	Sản xuất sợi	1311
40.	Sản xuất các loại dây bện và lưới	1324
41.	Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu	1329
42.	Sản xuất sản phẩm từ da lông thú	1420
43.	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc	1430
44.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
45.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
46.	Sản xuất hoá chất cơ bản	2011
47.	Sản xuất sản phẩm hoá chất khác chưa được phân vào đâu	2029

48.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
49.	Bán buôn đồ uống	4633
50.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
51.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662
52.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
53.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
54.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
55.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (Trừ hoạt động đầu giá)	4791
56.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
57.	Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh	4762
58.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763
59.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
60.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy	5222
61.	Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí	7721
62.	Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7920
63.	Tái chế phế liệu	3830
64.	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác	3900
65.	Xây dựng nhà các loại	4100(Chính)
66.	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	4210
67.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4290
68.	Phá dỡ	4311
69.	Sản xuất sản phẩm chịu lửa	2391
70.	Bán buôn tổng hợp	4690
71.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
72.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
73.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
74.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
75.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
76.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ	4781
77.	Vận tải bằng xe buýt	4920

78.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh	4932
79.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
80.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
81.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ Chi tiết: Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5221
82.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải	5229
83.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
84.	Giáo dục nghề nghiệp	8532
85.	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình	9522
86.	Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá	2396
87.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
88.	Sản xuất đồ chơi, trò chơi	3240
89.	Đại lý, môi giới, đấu giá Chi tiết: Đại lý	4610
90.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
91.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn phân bón, thuốc trừ sâu và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp) Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh Bán buôn cao su Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại	4669
92.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
93.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
94.	Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ hoạt động đấu giá)	4774
95.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
96.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...)	5621
97.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
98.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
99.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác	7730
100.	Đại lý du lịch	7911
101.	Hoạt động dịch vụ liên quan đến các cuộc gọi	8220
102.	Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng	9521
103.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320

104.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
105.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
106.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394
107.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
108.	Đúc sắt, thép	2431
109.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
110.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: Khách sạn Biệt thự hoặc căn hộ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày Nhà trọ, phòng trọ và các cơ sở lưu trú tương tự	5510
111.	Sản xuất thảm, chăn đệm	1323
112.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện	1629
113.	Sản xuất bột giấy, giấy và bìa	1701
114.	Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít	2022
115.	Sản xuất sợi nhân tạo	2030
116.	Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hoà không khí và sản xuất nước đá	3530
117.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
118.	Thu gom rác thải độc hại	3812
119.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
120.	Xây dựng công trình công ích	4220
121.	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép	4641
122.	Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ	4782
123.	Vận tải hành khách đường thủy nội địa	5021
124.	Quảng cáo	7310
125.	Hoạt động nhiếp ảnh	7420
126.	Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống)	4512
127.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đấu giá)	4513
128.	Bán buôn thực phẩm	4632
129.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào	4634
130.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao	2395
131.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
132.	Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác	8219
133.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	9511
134.	Sửa chữa thiết bị liên lạc	9512

135.	Cơ sở lưu trú khác Chi tiết: Ký túc xá học sinh, sinh viên Chỗ nghỉ trọ trên xe lưu động, lều quán, trại dùm để nghỉ tạm Cơ sở lưu trú khác chưa được phân vào đâu	5590
136.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh	2023
137.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
138.	Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác	2393
139.	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật	1040
140.	Xay xát và sản xuất bột thô	1061
141.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7120
142.	Cho thuê đồ dùm cá nhân và gia đình khác	7729
143.	Giáo dục thể thao và giải trí	8551
144.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
145.	Dịch vụ đóng gói	8292
146.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh	8299
147.	Giáo dục văn hoá nghệ thuật	8552
148.	Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí (trừ hoạt động của các nhà báo độc lập)	9000
149.	Sửa chữa giày, dép, hàng da và giả da	9523
150.	Sửa chữa giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự	9524
151.	Giặt là, làm sạch các sản phẩm dệt và lông thú	9620
152.	Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khoẻ tương tự (trừ hoạt động thể thao)	9610
153.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục	8560
154.	Sản xuất sản phẩm khác từ cao su	2212
155.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
156.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
157.	Sản xuất đường	1072
158.	Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác	1321
159.	Sản xuất hàng may sẵn (trừ trang phục)	1322
160.	Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu	1709
161.	Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ	2012
162.	Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh	2013
163.	Sản xuất thuốc trừ sâu và sản phẩm hoá chất khác dùng trong nông nghiệp	2021
164.	Lắp đặt hệ thống điện	4321

165.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí	4322
166.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chi tiết: - Lắp đặt hệ thống thiết bị khác không thuộc về điện, hệ thống ống tưới nước, hệ thống lò sưởi và điều hoà nhiệt độ hoặc máy móc công nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng kỹ thuật dân dụng; - Lắp đặt hệ thống thiết bị nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng dân dụng như : + Thang máy, cầu thang tự động, + Các loại cửa tự động, + Hệ thống đèn chiếu sáng + Hệ thống hút bụi, + Hệ thống âm thanh, + Hệ thống thiết bị dùng cho vui chơi giải trí. Lắp đặt thiết bị phòng cháy và chữa cháy	4329
167.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
168.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
169.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đấu giá)	4530
170.	Bán mô tô, xe máy (Trừ hoạt động đấu giá)	4541
171.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
172.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (Trừ hoạt động đấu giá)	4543
173.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
174.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình chưa được phân vào đâu	4649
175.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
176.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210

177.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện) Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi) Bán buôn máy móc, thiết bị y tế	4659
178.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
179.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh	4764
180.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ Chi tiết: Bán lẻ mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh lưu động hoặc tại chợ Bán lẻ hàng gốm sứ, thủy tinh lưu động hoặc tại chợ Bán lẻ hoa tươi, cây cảnh lưu động hoặc tại chợ	4789
181.	Sản xuất đồ kim hoàn và chi tiết liên quan	3211
182.	Bốc xếp hàng hóa	5224
183.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Khảo sát địa hình; Khảo sát địa chất, địa chất thủy văn công trình Quản lý dự án đầu tư xây dựng; quản lý chi phí đầu tư xây dựng đối với dự án đầu tư xây dựng, Quản lý chất lượng xây dựng công trình; Xác định, thẩm tra tổng mức đầu tư xây dựng; phân tích rủi ro và đánh giá hiệu quả đầu tư của dự án; Thiết kế quy hoạch xây dựng Thiết kế kiến trúc công trình; Thiết kế nội - ngoại thất công trình; thiết kế cảnh quan; Thiết kế kết cấu công trình; Thiết kế điện - cơ điện công trình; Thiết kế cấp - thoát nước; Thiết kế thông gió - cấp thoát nhiệt; Thiết kế mạng thông tin - liên lạc trong công trình xây dựng; Thiết kế phòng cháy - chữa cháy Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện; Giám sát công tác lắp đặt thiết bị công trình;	7110

	Giám sát công tác lắp đặt thiết bị công nghệ. Xác định, thẩm tra tổng mức đầu tư xây dựng; phân tích rủi ro và đánh giá hiệu quả đầu tư của dự án; Xác định chỉ tiêu suất vốn đầu tư, định mức xây dựng, giá xây dựng công trình, chỉ số giá xây dựng; Đo bóc khối lượng; Xác định, thẩm tra dự toán xây dựng; Xác định giá gói thầu, giá hợp đồng trong hoạt động xây dựng; Kiểm soát chi phí xây dựng công trình; - Tư vấn Quản lý dự án xây dựng; - Thẩm tra thiết kế xây dựng công trình (Điều 154 Luật Xây dựng 2014) - Tư vấn trong quản lý chi phí đầu tư xây dựng gồm: Tổng mức đầu tư xây dựng, dự toán xây dựng, dự toán gói thầu xây dựng, định mức xây dựng, giá xây dựng, chỉ số giá xây dựng, chi phí quản lý dự án và tư vấn đầu tư xây dựng, thanh toán và quyết toán hợp đồng xây dựng; thanh toán và quyết toán vốn đầu tư xây dựng công trình Tư vấn Lập quy hoạch xây dựng; Khảo sát xây dựng; Thí nghiệm chuyên ngành xây dựng; Giám sát thi công xây dựng; Thi công xây dựng công trình;	
184.	Cho thuê băng, đĩa video	7722
185.	Điều hành tua du lịch	7912
186.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
187.	Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác	8129
188.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
189.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
190.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
191.	Sao chép bản ghi các loại	1820
192.	Sản xuất kim loại màu và kim loại quý	2420
193.	Đúc kim loại màu	2432
194.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
195.	Sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm)	2513
196.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1050

197.	Sản xuất các loại bánh từ bột	1071
198.	Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia	1103
199.	Hoàn thiện sản phẩm dệt	1313
200.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
201.	Sản xuất giấy nhẵn, bìa nhẵn, bao bì từ giấy và bìa	1702
202.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
203.	Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu	2100
204.	Sản xuất sẫm, lớp cao su; đắp và tái chế lớp cao su	2211
205.	Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu	2399
206.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593
207.	Sản xuất dụng cụ thể dục, thể thao	3230

6. Vốn điều lệ: 1.000.000.000 VNĐ

7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: ĐỖ MINH ĐỨC

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 01/10/1971

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 001071003351

Ngày cấp: 10/01/2017

Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL CT và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 16, Phường Ngọc Thụy, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Tổ 16, Phường Ngọc Thụy, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: ĐỖ MINH ĐỨC

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 01/10/1971

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 001071003351

Ngày cấp: 10/01/2017

Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL CT và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 16, Phường Ngọc Thụy, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Tổ 16, Phường Ngọc Thụy, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội